

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Đào Trọng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị BTH; địa chỉ cư trú: Số 39/151 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh TTB; ĐKKHKT: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Số 39/151 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04-6-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị BTH trình bày:

Chị BTH và anh TTB xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, Quyền số 01/2001 ngày 22-9-2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Anh TTB không chí thú làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị BTH đã nhiều lần động viên anh TTB tìm công việc để cùng chị lo cho gia đình, nuôi dạy các con, hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn gia đình ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị BTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh TTB theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị BTH và anh TTB có 02 con chung là I sinh ngày 15-11-2003 và J sinh ngày 15-10-2014. Hiện tại chị BTH đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị BTH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh TTB phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị BTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh TTB sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định và bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã thực hiện các quy trình tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh TTB không có mặt nên không lấy được lời khai của anh TTB. Mặt khác, anh TTB cũng không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc chị BTH làm đơn ly hôn với anh TTB và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại Biên bản xác minh ngày 19-6-2019, Công an phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xác nhận: Anh TTB là chồng của chị BTH, có 02 con chung. Anh TTB không đăng ký tạm trú tại số 39/151 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nhưng vợ chồng anh TTB, chị BTH cùng các con ăn ở ổn định, thường xuyên từ nhiều năm nay tại địa chỉ trên. Tại Đơn trình bày của bà K (mẹ đẻ chị BTH); Biên bản xác minh bà L (Chi Hội trưởng Chi hội phụ nữ Tổ dân phố M, phường B, quận C) và bà N (Tổ trưởng Tổ dân phố M, phường B, quận C) thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị BTH, anh TTB có phát sinh mâu thuẫn, gia đình và Tổ dân phố, Chi hội phụ nữ đã nhiều lần động viên để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng

cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị BTH và anh TTB kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị BTH và anh TTB là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị BTH, anh TTB bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh TTB không chí thú làm ăn, không chăm lo gia đình, không chăm sóc, giáo dục con cái cùng chị BTH, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị BTH được ly hôn với anh TTB; về con chung: Giao 02 con chung là I sinh ngày 15-11-2003 và J sinh ngày 15-10-2014 cho chị BTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị BTH không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị BTH không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị BTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và xác nhận nơi cư trú thể hiện chị BTH và anh TTB đều sinh sống ổn định, lâu dài tại số 39/151 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn là chị BTH với bị đơn là anh TTB thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh TTB mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh TTB.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị BTH kết hôn với anh TTB trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, Quyền số 01/2001 ngày 22-9-2001 nên quan hệ hôn nhân giữa chị BTH với anh TTB là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị BTH cho rằng quá trình chung sống, giữa chị và anh TTB phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Anh TTB không chí thú làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị BTH đã nhiều lần động viên anh TTB tìm công việc để cùng chị lo cho gia đình, nuôi dạy 02 con; hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại anh TTB đã đi khỏi địa phương, không còn quan tâm đến gia đình. Qua thực tế nêu trên, anh TTB không còn quan tâm đến vợ, con và không muốn đoàn tụ cùng gia đình. Mặt khác, chị BTH cũng không còn tình cảm với anh TTB. Do vậy, chị BTH làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho chị BTH được ly hôn với anh TTB theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng anh TTB đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, các phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa. Qua đó đánh giá rằng, anh TTB không có thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị BTH và anh TTB không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị BTH yêu cầu ly hôn với anh TTB là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của chị BTH: Cho chị BTH ly hôn với anh TTB.

[5] Về con chung: Chị BTH và anh TTB có 02 con chung là I sinh ngày 15-11-2003 và J sinh ngày 15-10-2014 hiện nay đang sinh sống cùng chị BTH. Do anh TTB hiện nay không có mặt tại địa phương nên chị BTH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh TTB phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị BTH đề nghị được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế do anh TTB hiện tại không có mặt tại địa phương, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị BTH không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị BTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị BTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị BTH được ly hôn anh TTB.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là I sinh ngày 15-11-2003 và J sinh ngày 15-10-2014 cho chị BTH trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh TTB có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị BTH cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh TTB trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh TTB lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị BTH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh TTB.

3. Về tài sản chung: Chị BTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị BTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008252, ngày 18-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị BTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung